

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 01 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga

2. Bà Nguyễn Thị Ly

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 616/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 555/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 666/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị Tuyết H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Tuyết H trình bày:

Chị H và anh T qua mai mối quen biết nhau nên tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng chị H và anh T không có đăng ký kết hôn do bận làm việc và không hiểu biết pháp luật. Trước khi chung sống với chị H, anh T có cư trú tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, chị H và anh T chung sống ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Chị H xác định, ngoài hai địa chỉ này thì chị H và anh T không còn cư trú tại địa chỉ nào khác.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm gia đình, thường xuyên chửi chị H. Đến khoảng tháng 10/2017, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng nên chị H và anh T sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh T không quan tâm gia đình, không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên chửi rủa chị H. Chị H đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa sai lầm nhưng anh T không thay đổi. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình cũng có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị H và anh T. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Giao L, sinh ngày 20/3/2006, Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 16/12/2008 và Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 07/9/2011. Khi ly hôn, chị Dương Thị Tuyết H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Giao L, sinh ngày 20/3/2006, Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 16/12/2008 và Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 07/9/2011; không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Dương Thị Tuyết H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cùng lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Không công nhận chị Dương Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng. Về con chung, chị Dương Thị Tuyết H được tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Giao L, sinh ngày 20/3/2006, Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 16/12/2008 và Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 07/9/2011. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ sổ hộ khẩu, anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp M, xã Hội Đông, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 02/01/2024, anh Nguyễn Văn T có cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nhưng thường vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn, khi đi không có trình báo chính quyền địa phương nên địa phương không xác định được anh T đi đâu và thời gian trở về. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xác định nơi cư trú của anh Nguyễn Văn T tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Chị Dương Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, chị Dương Thị Tuyết H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của chị Dương Thị Tuyết H, chị H và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2005 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Đồng thời, căn cứ Công văn số 29/CV-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã N và Công văn số 1493/CV-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã (nơi chị H và anh T đăng ký hộ khẩu thường trú) thể hiện không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của chị H và anh T. Do đó, lời trình bày của chị H về việc chị H và anh T đã chung sống như vợ chồng từ năm 2005 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị H yêu cầu được ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy, chị Dương Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị H và anh T không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh

quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Đối với con chung:

Chị Dương Thị Tuyết H xác định chị H và anh T có Nguyễn Thị Giao L, sinh ngày 20/3/2006, Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 16/12/2008 và Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 07/9/2011, hiện nay đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị H và anh T ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị H, từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung sinh sống với chị H cho đến nay nên tình cảm của các cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với chị H, các con chung được đi học và phát triển bình thường. Đồng thời, các con chung cũng có nguyện vọng được sống với chị H. Để ổn định cuộc sống cho cháu Nguyễn Thị Giao L, Nguyễn Thị Diễm T1 và Nguyễn Thị Tuyết M; giúp các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị H và anh T ly hôn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Dương Thị Tuyết H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị H và anh T ly hôn nên anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Dương Thị Tuyết H không yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị Tuyết H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Tuyết H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Dương Thị Tuyết H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[2] Về con chung:

Chị Dương Thị Tuyết H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Giao L, sinh ngày 20/3/2006, Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 16/12/2008 và Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 07/9/2011. Hiện nay đang sống với chị Dương Thị Tuyết H.

Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Dương Thị Tuyết H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0014042 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang